

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2015/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 10 tháng 12 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2016 tỉnh Kon Tum**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**  
**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2016 tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2016 của tỉnh Kon Tum, với các nội dung chủ yếu như sau:

Tổng các nguồn vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương: 859.234 triệu đồng.

Trong đó:

1. Các nguồn vốn đầu tư công phân bổ từ đầu năm 631.200 triệu đồng, bao gồm:

a) Vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách địa phương: 561.200 triệu đồng, bao gồm: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước 460.200 triệu đồng; Nguồn thu tiền bán cây đứng DA rừng bền vững Đắk Tô (*cấp vốn điều lệ doanh nghiệp*) 1.000 triệu đồng; nguồn thu tiền quyền sử dụng đất 100.000 triệu đồng.

b) Các nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: Nguồn thu xổ số kiến thiết 70.000 triệu đồng.

2. Các nguồn vốn đầu tư công phân bổ theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương hoặc theo tiến độ nguồn thu: 228.034 triệu đồng, gồm:

a) Nguồn vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho chương trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn: 60.000 triệu đồng

b) Các nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: 168.034 triệu đồng, bao gồm: nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư cơ sở hạ tầng 120.000 triệu đồng; nguồn thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các trụ sở cũ 48.034 triệu đồng thực hiện theo tiến độ nguồn thu.

*(Chi tiết danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án như Phụ lục kèm theo)*

## **Điều 2.**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết nguồn vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước cho Chương trình Kiên cố hóa kênh mương, đường giao thông nông thôn (*tại điểm a, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này*) trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương và đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó tập trung hỗ trợ các địa phương để lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Giao chi tiết danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án đối với các khoản hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố; vốn bố trí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; vốn trả nợ quyết toán dự án hoàn thành; các nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước tại điểm b, khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này,... theo đúng quy định.

Riêng nguồn thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các trụ sở cũ chỉ được triển khai sau khi Thủ tướng Chính phủ cho phép.

- Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn nêu trên và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo đúng quy định tại khoản 6, Điều 75 của Luật Đầu tư công.

**Điều 3. Đối với các nguồn vốn đầu tư công năm 2016 của tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của Trung ương** (*vốn chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, vốn nước ngoài và vốn trái phiếu Chính phủ*):

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quyết định giao vốn và hướng dẫn của Trung ương.

- Ủy quyền Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ các nguồn vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Trung ương, được Trung ương giao cho địa phương phân bổ và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 4.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2015./.

**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Văn Hùng**

Biểu số: 01

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2016 TỈNH KON TUM**  
(Kèm theo Nghị quyết số 27/2015/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Kế hoạch 2016 Trung ương giao			Kế hoạch 2016 địa phương giao			Ghi chú
		Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSDP	
	<b>Tổng cộng (A + B)</b>	<b>1,747,169</b>	<b>1,186,969</b>	<b>560,200</b>	<b>2,046,203</b>	<b>1,186,969</b>	<b>859,234</b>	
<b>A</b>	<b>CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>560,200</b>		<b>560,200</b>	<b>859,234</b>		<b>859,234</b>	
	+ Đầu tư cho giáo dục và đào tạo	112,000		112,000	117,425		117,425	
	+ Đầu tư cho Khoa học và Công nghệ	13,217		13,217	13,720		13,720	
<b>I</b>	<b>Các nguồn vốn đầu tư công giao từ đầu năm</b>	<b>560,200</b>		<b>560,200</b>	<b>631,200</b>		<b>631,200</b>	
1	Nguồn vốn ĐTPPT thuộc cân đối ngân sách địa phương	560,200		560,200	561,200		561,200	
-	Nguồn Đầu tư XDCB trong nước	460,200		460,200	460,200		460,200	
-	Nguồn bán cây đứng DA rừng bền vững Đắk Tô				1,000		1,000	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất	100,000		100,000	100,000		100,000	
2	Vốn từ các nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước				70,000		70,000	
-	Nguồn thu xô số kiến thiết				70,000		70,000	
<b>II</b>	<b>Các nguồn vốn đầu tư công giao theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương hoặc theo tiến độ nguồn thu</b>				<b>228,034</b>		<b>228,034</b>	
1	Nguồn vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho chương				60,000		60,000	

	trình kiên cố hóa kênh mương và giao thông nông thôn							
2	Vốn từ các nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước				168,034		168,034	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư CSHT				120,000		120,000	
-	Nguồn thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các trụ sở cũ				48,034		48,034	
<b>B</b>	<b>CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA TRUNG ƯƠNG</b>	<b>1,186,969</b>	<b>1,186,969</b>		<b>1,186,969</b>		<b>1,186,969</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương</b>	<b>690,587</b>	<b>690,587</b>		<b>690,587</b>		<b>690,587</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>163,000</b>	<b>163,000</b>		<b>163,000</b>		<b>163,000</b>	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	144,600	144,600		144,600		144,600	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	18,400	18,400		18,400		18,400	
<b>2</b>	<b>Vốn các chương trình mục tiêu</b>	<b>350,587</b>	<b>350,587</b>		<b>350,587</b>		<b>350,587</b>	
(1)	Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng	172,600	172,600		172,600		172,600	
(2)	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương	1,700	1,700		1,700		1,700	
(3)	Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững	14,000	14,000		14,000		14,000	
(4)	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư	10,800	10,800		10,800		10,800	

(5)	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo	15,000	15,000		15,000	15,000		
(6)	Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	50,769	50,769		50,769	50,769		
-	<i>Hỗ trợ đầu tư xây dựng kế cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu</i>	40,769	40,769		40,769	40,769		
-	<i>Hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn</i>	10,000	10,000		10,000	10,000		
(7)	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương	23,220	23,220		23,220	23,220		
(8)	Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa	6,000	6,000		6,000	6,000		
(9)	Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch	16,628	16,628		16,628	16,628		
(10)	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm	39,870	39,870		39,870	39,870		
<b>3</b>	<b>Vốn nước ngoài</b>	<b>177,000</b>	<b>177,000</b>		<b>177,000</b>	<b>177,000</b>		
<b>II</b>	<b>Vốn Trái phiếu Chính phủ</b>	<b>496,382</b>	<b>496,382</b>		<b>496,382</b>	<b>496,382</b>		
1	Lĩnh vực giao thông	461,102	461,102		461,102	461,102		
2	Lĩnh vực giáo dục	35,280	35,280		35,280	35,280		

**Biểu số: 02**

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016**  
(Kèm theo Nghị quyết số 27/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch 2016		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Ngân sách địa phương	
	<b>Tổng cộng (A + B)</b>		<b>883,934.00</b>	<b>859,234.00</b>	
<b>A</b>	<b>NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAO TỬ ĐẦU NĂM (A.1 + A.2)</b>		<b>655,900.00</b>	<b>631,200.00</b>	
<b>A.1</b>	<b>NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>		<b>561,200.00</b>	<b>561,200.00</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn Đầu tư XDCB trong nước</b>		<b>460,200.00</b>	<b>460,200.00</b>	
	Trong đó:				
	+ Đầu tư cho giáo dục và đào tạo		113,675.00	113,675.00	
	+ Đầu tư cho Khoa học và Công nghệ		13,720.00	13,720.00	
<b>1</b>	<b>Các khoản cố định và bắt buộc</b>		<b>384,510</b>	<b>384,510</b>	
(1)	Phân cấp ngân sách huyện, thành phố		70,500.00	70,500.00	
	Trong đó: + Đầu tư cho giáo dục và đào tạo (25%)		17,625.00	17,625.00	
	+ Đầu tư cho khoa học công nghệ (4%)		2,820.00	2,820.00	
-	Thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	14,400.00	14,400.00	
-	Huyện Đắk Hà	UBND huyện Đắk Hà	6,100.00	6,100.00	
-	Huyện Đắk Tô	UBND huyện Đắk Tô	6,400.00	6,400.00	
-	Huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	6,900.00	6,900.00	
-	Huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	5,900.00	5,900.00	
-	Huyện Đắk Glei	UBND huyện Đắk Glei	7,300.00	7,300.00	
-	Huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	6,800.00	6,800.00	
-	Huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	5,200.00	5,200.00	
-	Huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	5,200.00	5,200.00	
-	Huyện Kon Plong	UBND huyện Kon Plong	6,300.00	6,300.00	

(2)	Trả nợ vay KCH kênh mương	Các chủ đầu tư	30,700.00	30,700.00	Chưa tính phần NS huyện trả nợ 18,3 tỷ đồng
(3)	Trả nợ quyết toán dự án hoàn thành	Các chủ đầu tư	11,950.00	11,950.00	
-	Đường vào khu du lịch Hồ Plei Krông Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	1,001.00	1,001.00	
-	Đường liên xã Đăk Xú - PleiKân (điểm đầu nối với quốc lộ 14C và điểm cuối nối với Quốc lộ 40)	UBND huyện Ngọc Hồi	1,519.64	1,519.64	
-	Đường Ngọc Tem - Rô Manh, huyện Kon Plong	UBND huyện Kon Plong	4,204.00	4,204.00	
-	Các dự án quyết toán khác	Các chủ đầu tư khác	5,225.36	5,225.36	(1)
(4)	Bố trí chuẩn bị đầu tư		9,999.90	9,999.90	(1)
(5)	Thu hồi vốn ứng đối với các nhiệm vụ thuộc ngân sách cấp tỉnh		21,233.53	21,233.53	
-	<i>Kè chống sạt lở bờ sông Đăk Bla (đoạn thượng lưu)</i>	<i>Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	<i>11,656.73</i>	<i>11,656.73</i>	
-	<i>Cấp nước sinh hoạt thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (hạng mục: mạng lưới đường ống cấp III)</i>	<i>UBND huyện Đăk Hà</i>	<i>5,000.00</i>	<i>5,000.00</i>	
-	<i>Bồi thường GPMB trại giam</i>	<i>Công an tỉnh</i>	<i>880.80</i>	<i>880.80</i>	
-	<i>Hỗ trợ NS thành phố thực hiện BT GPMB tại bùng binh phía Bắc cầu Đăk Bla</i>	<i>UBND thành phố Kon Tum</i>	<i>2,000.00</i>	<i>2,000.00</i>	
-	<i>Đã bảo tồn và phát triển Sâm Ngọc Linh có sự tham gia của cộng đồng</i>	<i>Cty TNHH 1 TV lâm nghiệp Đăk Tô</i>	<i>1,000.00</i>	<i>1,000.00</i>	
-	<i>Đường cứu hộ, cứu nạn từ trung tâm thị trấn Đăk Rve đi xã Tân Lập, Đăk Ruông, Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy</i>	<i>UBND huyện Kon Rẫy</i>	<i>696.00</i>	<i>696.00</i>	
(6)	Trả nợ đọng XDCB		67,221.27	67,221.27	
-	Sửa chữa Nhà trưng bày triển lãm và Nhà Văn hóa Trung tâm Văn hóa tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	792.69	792.69	
-	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8,252.90	8,252.90	



-	Trụ sở làm việc Ban quản lý rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	BQL rừng phòng hộ Tu Mơ Rông	2,469.40	2,469.40	
-	Đường nông thôn liên xã và cầu Đăk Ang, huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	9,535.17	9,535.17	
-	Kè chống sạt lở bờ sông Đăk Bla (đoạn thượng lưu)	Sở Nông nghiệp và PTNT	20,784.00	20,784.00	
-	Thủy lợi ĐăkXít	UBND huyện Đăk Hà	1,387.11	1,387.11	
-	Đường giao thông Đăk Kô - Đăk Pxi	Sở Giao thông	24,000.00	24,000.00	
(7)	Đổi ứng các dự án ODA, các dự án bổ sung có mục tiêu từ NSTW		7,000.00	7,000.00	
-	Dự án giảm nghèo Khu vực Tây nguyên - tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2,000.00	2,000.00	(2)
-	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên	Sở Nông nghiệp và PTNT	5,000.00	5,000.00	
(8)	Đầu tư cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề		50,050.00	50,050.00	
*	<b>Trả nợ</b>		<b>10,740.00</b>	<b>10,740.00</b>	
-	Trung tâm dạy nghề huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	2,424.00	2,424.00	
-	Trung tâm dạy nghề huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	4,683.00	4,683.00	
-	Trung tâm dạy nghề huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	1,415.00	1,415.00	
-	Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật	Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật	2,218.00	2,218.00	
*	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>8,180.00</b>	<b>8,180.00</b>	
-	Trường THCS xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	2,580.00	2,580.00	
-	Trường Tiểu học thị trấn Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	5,600.00	5,600.00	
*	<b>Dự án KC mới</b>		<b>7,000.00</b>	<b>7,000.00</b>	
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Kon Rẫy	Sở Giáo dục và Đào tạo	7,000.00	7,000.00	
*	<b>Hỗ trợ có mục tiêu ngân sách huyện, TP (lồng ghép thực hiện Chương trình NTM)</b>		<b>24,130.00</b>	<b>24,130.00</b>	<b>(1)</b>
-	Huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	4,000.00	4,000.00	
-	Huyện Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	3,400.00	3,400.00	

-	Huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	3,750.00	3,750.00	
-	Huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	1,800.00	1,800.00	
-	Huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Tô	3,500.00	3,500.00	
-	Huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	1,663.00	1,663.00	
-	Huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	1,600.00	1,600.00	
-	Huyện Kon Plong	UBND huyện Kon Plong	1,600.00	1,600.00	
-	Thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	2,817.00	2,817.00	
(9)	Đầu tư cho khoa học công nghệ		10,900.00	10,900.00	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>		<b>10,900.00</b>	<b>10,900.00</b>	
-	Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Kon Tum	Sở Khoa học và Công nghệ	8,900.00	8,900.00	
-	Phòng thí nghiệm thực vật tại Trại thực nghiệm Kon Plong	Sở Khoa học và Công nghệ	2,000.00	2,000.00	
(10)	Hỗ trợ vùng động lực		50,000.00	50,000.00	(1)
	Trong đó: Bố trí đầu tư cho giáo dục		10,000.00	10,000.00	
*	Vùng động lực Kon Plong	UBND huyện Kon Plong	10,000.00	10,000.00	
*	Vùng động lực Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	10,000.00	10,000.00	
*	Vùng động lực Thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	30,000.00	30,000.00	
(11)	Hỗ trợ các xã biên giới (Có lồng ghép thực hiện Chương trình NTM)		13,000.00	13,000.00	(1)
*	Huyện Ngọc Hồi		5,000.00	5,000.00	
*	Huyện Đăk Glei		3,000.00	3,000.00	
*	Huyện Sa Thầy		2,000.00	2,000.00	
*	Huyện Ia H'Drai		3,000.00	3,000.00	
(12)	Hỗ trợ thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg		10,000.00	10,000.00	
-	Thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	400.00	400.00	
-	Huyện Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	400.00	400.00	
-	Huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Tô	600.00	600.00	

-	Huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	1,050.00	1,050.00	
-	Huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	950.00	950.00	
-	Huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	2,000.00	2,000.00	
-	Huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	950.00	950.00	
-	Huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	2,100.00	2,100.00	
-	Huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	850.00	850.00	
-	Huyện Kon Plong	UBND huyện Kon Plong	700.00	700.00	
(13)	Hỗ trợ NS thành phố xây dựng Cổng chào vào các ngõ thành phố Kon Tum (cổng phía nam và phía đông)	UBND thành phố Kon Tum	3,400.00	3,400.00	
(14)	Bố trí hoàn trả CT30a huyện Tu Mơ Rông theo kết luận của kiểm toán		11,555.30	11,555.30	
-	Đường Tu Mơ Rông - Ngọc Yêu	UBND huyện Tu Mơ Rông	11,555.30	11,555.30	
(15)	Hỗ trợ xã trọng điểm đặc biệt khó khăn (Lông ghép thực hiện Chương trình NTM)		17,000.00	17,000.00	(1)
-	Huyện Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	3,500.00	3,500.00	
-	Huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Tô	3,500.00	3,500.00	
-	Huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	3,500.00	3,500.00	
-	Huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	3,800.00	3,800.00	
-	Huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	1,700.00	1,700.00	
-	Huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	1,000.00	1,000.00	
<b>2</b>	<b>Bố trí cho các công trình chuyển tiếp</b>		<b>33,255.00</b>	<b>33,255.00</b>	
-	Đường vào Nhà tang lễ tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	2,399.00	2,399.00	
-	Công trình phụ trợ Doanh trại Ban CHQS huyện Ngọc Hồi-Kon Rẫy	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	4,622.00	4,622.00	
-	Đường hầm Sở Chỉ huy cơ bản huyện Sa Thầy	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2,170.00	2,170.00	
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà khách Quang Trung	Văn phòng Tỉnh ủy	4,200.00	4,200.00	
-	Trụ sở HĐND-UBND xã Sa Sơn	UBND huyện Sa Thầy	3,000.00	3,000.00	Hỗ trợ xây lắp
-	Trụ sở HĐND-UBND xã Sa Nhơn	UBND huyện Sa Thầy	3,000.00	3,000.00	Hỗ trợ xây lắp

-	Trụ sở HĐND-UBND xã Sa Nghĩa	UBND huyện Sa Thầy	4,464.00	4,464.00	
-	Trụ sở xã Đăk Ngok, Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	4,600.00	4,600.00	
-	Trụ sở xã Đăk Long, Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	4,800.00	4,800.00	
<b>3</b>	<b>Phân bổ cho các dự án khởi công mới khác</b>		<b>42,435.00</b>	<b>42,435.00</b>	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Tô	2,500.00	2,500.00	
-	Trụ sở UBND xã Văn Xuôi, huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	2,500.00	2,500.00	
-	Trụ sở UBND xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	2,000.00	2,000.00	
-	Trụ sở HĐND-UBND xã Măng Cành, huyện Kon Plong	UBND huyện Kon Plong	2,000.00	2,000.00	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	2,500.00	2,500.00	
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Đăk Blô, huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	2,500.00	2,500.00	
-	Tường rào kẽm gai bảo vệ diện tích đất đã bồi thường thuộc Khu công nghiệp Sao Mai, thành phố Kon Tum	Trung tâm phát triển quỹ đất	881.00	881.00	
-	Sửa chữa trụ sở Liên cơ quan (khu nhà phía trước) và các hạng mục phụ trợ	Liên hiệp các Hội KHKT	996.00	996.00	
-	Gia cố mái taluy đất thuộc trụ sở làm việc Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Kon Tum	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	740.00	740.00	
-	Nhà làm việc của Hạt Kiểm lâm huyện Ia H'Drai trực thuộc Chi cục Kiểm lâm Kon Tum	Chi cục Kiểm lâm	818.00	818.00	
-	Công viên khu vực đường Trương Quang Trọng, thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	8,000.00	8,000.00	Phần xây lắp khoảng 10 tỷ
-	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 675 (km40+500-km53+090) huyện Sa Thầy	Sở Giao thông vận tải	17,000.00	17,000.00	
<b>II</b>	<b>Nguồn thu tiền bán cây đứng DA rừng bền vững Đăk Tô cấp vốn điều lệ cho doanh nghiệp</b>		<b>1,000.00</b>	<b>1,000.00</b>	
<b>III</b>	<b>Nguồn thu tiền sử dụng đất</b>		<b>100,000.00</b>	<b>100,000.00</b>	

1	Phân cấp ngân sách huyện thành phố thu		60,000.00	60,000.00	
a)	Phân cấp ngân sách các huyện, thành phố để lại đầu tư (60%)		36,000.00	36,000.00	
	<i>Trong đó: Đầu tư cho giáo dục và Đào tạo (25%)</i>		<i>9,000.00</i>	<i>9,000.00</i>	
-	UBND thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	18,000.00	18,000.00	
-	UBND huyện Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	1,800.00	1,800.00	
-	UBND huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Tô	900.00	900.00	
-	UBND huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	1,500.00	1,500.00	
-	UBND huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	6,000.00	6,000.00	
-	UBND huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	600.00	600.00	
-	UBND huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	1,200.00	1,200.00	
-	UBND huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	900.00	900.00	
-	UBND huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	300.00	300.00	
-	UBND huyện Kon Plong	UBND huyện Kon Plong	4,800.00	4,800.00	
b)	Trích bổ sung Quỹ phát triển đất (30% phần huyện, thành phố thu)		18,000.00	18,000.00	
c)	Hỗ trợ chi phí quản lý đất đai (10% phần huyện, thành phố thu)	Các huyện, thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường	6,000.00	6,000.00	(1)
2	Nguồn ngân sách tỉnh		40,000.00	40,000.00	
-	Nguồn thu các dự án khai thác quỹ đất do tỉnh quản lý	Các chủ đầu tư	40,000.00	40,000.00	(4)
<b>A.2</b>	<b>VỐN TỪ CÁC NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>		<b>94,700.00</b>	<b>70,000.00</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu xổ số kiến thiết</b>		<b>94,700.00</b>	<b>70,000.00</b>	
<b>1</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>		<b>24,000.00</b>	<b>24,000.00</b>	
*	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>9,500.00</b>	<b>9,500.00</b>	
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT xã Đăk Choong	Sở Giáo dục và Đào tạo	5,500.00	5,500.00	
-	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông	Sở Giáo dục và Đào tạo	4,000.00	4,000.00	

*	<b>Hỗ trợ có mục tiêu ngân sách huyện, TP (lồng ghép thực hiện Chương trình NTM)</b>		<b>14,500.00</b>	<b>14,500.00</b>	(1)
-	Huyện Sa Thầy	UBND huyện Sa Thầy	2,000.00	2,000.00	
-	Huyện Đăk Hà	UBND huyện Đăk Hà	1,200.00	1,200.00	
-	Huyện Tu Mơ Rông	UBND huyện Tu Mơ Rông	700.00	700.00	
-	Huyện Đăk Tô	UBND huyện Đăk Tô	1,700.00	1,700.00	
-	Huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	1,500.00	1,500.00	
-	Huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	1,500.00	1,500.00	
-	Huyện Ngọc Hồi	UBND huyện Ngọc Hồi	1,500.00	1,500.00	
-	Huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	1,500.00	1,500.00	
-	Huyện Kon Plong	UBND huyện Kon Plong	900.00	900.00	
-	Thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	2,000.00	2,000.00	
<b>2</b>	<b>Lĩnh vực y tế</b>		<b>50,700.00</b>	<b>26,000.00</b>	
	<b><i>Đổi ứng</i></b>		<b><i>1,700.00</i></b>		
-	Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2	Sở Y tế	1,700.00		
	<b><i>Dự án chuyển tiếp</i></b>		<b><i>39,695.00</i></b>	<b><i>16,695.00</i></b>	
-	Nâng cấp bệnh viện Đa khoa tỉnh từ 400 giường bệnh lên 500 giường bệnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	33,000.00	10,000.00	
-	Nâng cấp Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Kon Tum	Bệnh viện y học cổ truyền	5,695.00	5,695.00	
-	Bệnh viện Đa khoa tỉnh (hạng mục: Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà và sửa chữa lò đốt rác y tế Hoval MZ2)	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1,000.00	1,000.00	Thu hồi tạm ứng
	<b><i>Dự án khởi công mới</i></b>		<b><i>9,305.00</i></b>	<b><i>9,305.00</i></b>	
-	Trạm Y tế xã Đăk Pxi	Sở Y tế	1,000.00	1,000.00	
-	Trạm Y tế xã Đăk Hring	Sở Y tế	1,000.00	1,000.00	
-	Trạm y tế xã Ia Đal	Sở Y tế	1,355.00	1,355.00	
-	Trạm y tế xã Ia Toi	Sở Y tế	1,350.00	1,350.00	
-	Cải tạo mở rộng CSHT và trang thiết bị Bệnh viện ĐăkGlei	Sở Y tế	4,600.00	4,600.00	

3	<b>Lĩnh vực công và phúc lợi xã hội</b>		<b>20,000.00</b>	<b>20,000.00</b>	
	<b>Thu hồi tạm ứng</b>		<b>4,436.00</b>	<b>4,436.00</b>	
-	Sân vận động tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4,436.00	4,436.00	Thu hồi tạm ứng
	<b>Chuyển tiếp</b>		<b>13,564.00</b>	<b>13,564.00</b>	
-	Kho lưu trữ hiện vật Bảo tàng tổng hợp tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2,200.00	2,200.00	
-	Nhà làm việc và Trung tâm sản xuất chương trình thuộc Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Kon Tum	Đài PTTH tỉnh	11,364.00	11,364.00	
	<b>Khởi công mới</b>		<b>2,000.00</b>	<b>2,000.00</b>	
-	Đài Truyền thanh huyện Ia H'Drai	UBND huyện Ia H'Drai	2,000.00	2,000.00	
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAO THEO HƯỚNG DẪN, CHỈ ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG HOẶC THEO TIẾN ĐỘ NGUỒN THU</b>		<b>228,034.00</b>	<b>228,034.00</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn vay tín dụng ĐTPT của Nhà nước cho Chương trình KCH kênh mương, đường giao thông nông thôn</b>		<b>60,000.00</b>	<b>60,000.00</b>	(3)
<b>II</b>	<b>Nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước</b>		<b>168,034.00</b>	<b>168,034.00</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn thu tiền sử dụng đất từ các dự án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư CSHT</b>		<b>120,000.00</b>	<b>120,000.00</b>	
-	Các dự án khai thác quỹ đất thuộc tỉnh quản lý		120,000.00	120,000.00	(4)
<b>2</b>	<b>Nguồn thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các trụ sở cũ</b>		<b>48,034.00</b>	<b>48,034.00</b>	
-	Trụ sở làm việc các sở, ban, ngành của tỉnh (khối Q3, Q4) thuộc trung tâm hành chính mới của tỉnh	BQL các dự án Khu trung tâm hành chính tỉnh	48,034.00	48,034.00	Giao UBND tỉnh chỉ đạo triển khai sau khi Thủ tướng Chính phủ cho phép

**Ghi chú**

- (1): Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết danh mục và mức vốn cho từng danh mục
- (2): Ngoài ra địa phương đang đề nghị TW cho phép chuyển số vốn không sử dụng hết của kế hoạch năm 2014, 2015 khoảng 24,8 tỷ đồng sang tiếp tục thực hiện
- (3): Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết theo đề nghị của UBND tỉnh và hướng dẫn của Trung ương, trong đó tập trung hỗ trợ, lồng ghép các địa phương thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới
- (4): Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết để triển khai thực hiện các dự án khai thác quỹ đất tạo vốn đầu tư CSHT theo danh mục dự án đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất chủ trương; báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- (5): Phân bổ thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh